

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, công khai thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên của cơ sở giáo dục năm học 2023-2024 và công tác Thu - Chi tài chính năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo của trường THPT Tự Lập.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TỰ LẬP

Căn cứ Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ vào tình hình thực tế về chất lượng giáo dục, về cơ sở vật chất, về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên của trường THPT Tự Lập,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai thông tin chất lượng giáo dục, công khai thông tin về cơ sở vật chất, công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ QL, nhân viên năm học 2023-2024, công khai về công tác Thu - Chi tài chính năm học 2023-2024, và các năm tiếp theo (Kèm theo biểu mẫu 09, biểu mẫu 10, biểu mẫu 11, biểu mẫu 12 và biểu thu chi tài chính)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3: Lãnh đạo trường THPT Tự Lập, Chủ tịch công đoàn, Đoàn Thanh niên, các tổ chuyên môn, bộ phận tài vụ, các phòng chức năng và toàn thể cán bộ viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để theo dõi);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.



THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 12	Lớp 11	Lớp 10
I	Điều kiện tuyển sinh	Tốt	Tốt	Tốt
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Đúng chương trình GDPT 2006	Đúng chương trình GDPT 2018	Đúng chương trình GDPT 2018
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Tốt	Tốt	Tốt
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn	Đạt chuẩn và trên chuẩn
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt nghiệp 100%	Lên lớp đạt 99%	Lên lớp đạt 99%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Trên 80% tiếp tục học Cao đẳng, Đại học	100% hs tiếp tục học tại trường	100% hs tiếp tục học tại trường

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hải Châu

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp10	Lớp11	Lớp12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1109	478	336	295	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1003 90,4	413 86,4	304 90,48	286 97,0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	98 8,84	58 12,13	31 9,23	9 3,0	
3	Trung bình (Đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,63	6 1,26	1 0,3	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	1 0,21	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	1109	478	336	295	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	299 27,0	72 15,06	92 27,38	135 45,76	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	736 66,4	343 71,76	234 69,64	159 53,9	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	74 6,7	63 13,18	10 2,98	01 0,34	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1109 100%	478 100%	336 100%	295 100%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	299 27,0	72	92	135	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	159	0	0	159	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/67	0/28	1/36	0/3	



5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	02	0	0	02	
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm học 2023 - 2024	295			295	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm học 2023 - 2024	295			295	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	581/528	249/229	171/165	161/134	
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0				

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hải Châu



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023- 2024**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.44m ² /hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1.59m ² /hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1 lớp/ phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	1109	37 học sinh/ lớp
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	28.000	25,5
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7.000	8,9
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.818	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	511	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	69	
3	Diện tích thư viện (m ²)	190	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	700	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	12	1,5
2	Khối lớp 11	10	1,5
3	Khối lớp 12	8	1,25
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	3,088	-
5		
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	học sinh/bộ 0.66
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp



1	Ti vi	35	1/lớp
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		14		1,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Hải Châu

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú	
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCC N	Dưới TCC N		
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60	60	5								
I	Giáo viên	47	47									
	Trong đó số giáo viên dạy môn:											
1	Toán	7	7			5	2					
2	Lý	3	3			3						
3	Hóa	5	5			3	2					
4	Văn	9	9			8	1					
5	Sử	2	2				2					
6	Địa	2	2			1	1					
7	Tin	2	2				2					
8	Ngoại ngữ	5	5				5					
9	Thể dục	3	3				3					
10	GDQP	1	1				1					
11	Sinh	3	3				3					
12	KTNN	2	2			1	1					
13	KTCN	1	1			1						
14	GDCD	2	2				2					
II	Cán bộ quản lý	3	3			3						
1	Hiệu trưởng	1	1			1						
2	Phó hiệu trưởng	2	2			2						



III	Nhân viên	10	10	5			3		2	5	
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ	0	0						1		
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện	1	1								
6	Nhân viên TB, TN	1	1				1				
7	Nhân viên tạp vụ	1		1						1	
8	Nhân viên bảo vệ	4		4						4	

Hà Nội, ngày **26** tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hải Châu



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai theo Thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Năm học 2023 - 2024 trường THPT Tự Lập đã thực hiện công khai thu chi tài chính gồm các nội dung sau:

- Công khai thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3,9 tháng đầu năm 2023(Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022(Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập kỳ I năm học 2023 - 2024 (dán tại phòng hội đồng nhà trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2023 (Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 (công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai dự toán ngân sách năm 2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 1 năm 2024 (công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)
- Công khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập kỳ II năm học 2023 - 2024 (dán tại phòng hội đồng nhà trường)
- Công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2023 (công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường)

2- Công khai thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023-2024;

a- Thu theo quy định

* Học phí:



- Mức thu: Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định mức thu học phí năm học 2023- 2024;

+ Mức thu học trực tiếp: 95.000đ/hs/tháng

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ.

* **BHYT**: Thực hiện thu theo văn bản quy định.

+ Khối 10, khối 11 thu 12 tháng số tiền là: 680.400 đồng

+ Khối 12 thu: 9 tháng số tiền là: 510.300 đồng

b -Thu thoả thuận

* **Tiền học thêm**: 8.000đ/ tiết, đối với những lớp dưới 40 học sinh (theo quyết định 22/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống**: Thu 12.000đ/hs (thu theo số tháng học tại trường) theo quyết định số: 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

* **Bảo hiểm thân thể**:

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

* **Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh**: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

4- Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác của 2 năm tiếp theo(năm học 2024-2025, năm học 2025-2026)

a- Thu theo quy định

* **Học phí**

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ.

* **BHYT**: Thực hiện thu theo văn bản quy định.

+ Khối 10, khối 11 thu: 12 tháng

+ Khối 12 thu: 9 tháng

b- Thu thoả thuận

* **Tiền học thêm:** Thu 10.000đ/hs/1tiết dạy đối với lớp từ 30 đến dưới 40 học sinh (theo NQ 03/2024/NĐ-HĐND ngày 29/3/2024 của UBND Thành phố Hà Nội)

* **Tiền nước uống:** Thu 16.000đ/hs (thu 9 tháng) theo Nghị quyết số: 03/2024/NĐ-HĐND ngày 29/3/2024 của UBND Thành phố Hà Nội)

c- Thu khác

* **Bảo hiểm thân thể:**

Cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia và tự nguyện chọn công ty bảo hiểm, mức thu sao cho phù hợp với từng học sinh.

* **Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:** Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 55/2011-BGDĐT ngày 22/11/2011.

- Thu theo tinh thần tự nguyện, cha mẹ học sinh của từng lớp tự nguyện đóng góp.

5 - Các khoản chi năm học 2023 - 2024:

Chi lương, BHXH: 8.202.417.500đ

Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 1.322.639.000 đ

Chi thu nhập hàng tháng của giáo viên, cán bộ quản lý:

+ Cán bộ quản lý: mức thu nhập bình quân: 16.363.000 đ/tháng, mức cao nhất: 17.349.000 đ /tháng, mức thấp nhất: 14.764.000 đ/tháng.

+ Giáo viên và nhân viên: mức thu nhập bình quân: 8.969.000đ/tháng, mức cao nhất: 16.363.000/ tháng, mức thấp nhất: 2.481.000đ/tháng.

Mức chi thường xuyên/1học sinh: 10.848.000/hs/năm

Mua sắm, sửa chữa năm học 2023-2024: 260.480.000/ năm

6 - Chính sách và kết quả thực hiện chính sách. Hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho học sinh đúng đối tượng chính sách :

* **Học kỳ 1 năm học 2023-2024**

+ Về hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: 5 học sinh

+ Về miễn giảm học phí: Thực hiện theo quyết định số 294 /QĐ - THPT TL ngày 15/12/2023 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập, nhà trường đã thực hiện miễn giảm như sau:

- Miễn 100% học phí cho 5 em học sinh. Trong đó:

+ 04 hs khuyết tật

+ 01 hs mồ côi

- Giảm 50% học phí cho con thuộc diện hộ cận nghèo: 8 học sinh

*** Học kỳ 2 năm học 2023-2024**

+ Về hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: 03 học sinh

+ Về miễn giảm học phí : Thực hiện theo quyết định số 82 / QĐ-THPT - TL ngày 10/5/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tự Lập nhà trường đã thực hiện miễn giảm như sau:

- Miễn 100% học phí cho 5 em học sinh. Trong đó:

+ 04 hs khuyết tật

+ 01 học sinh mồ côi

- Giảm 50% học phí cho con thuộc diện hộ cận nghèo: 4 học sinh

7 - **Kết quả kiểm toán** (nếu có): Không

Mê Linh, ngày **26** tháng 6 năm 2024

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Trần Thị Hải Châu